TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 11 – 2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng

2. Ông Trịnh Anh Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Anh V**, sinh năm: 1991.

Đăng ký thường trú: Khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ cư trú: Khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị **Trương Ái H**, sinh năm: 1994.

Đăng ký thường trú: Ấp O, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp O, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Anh V trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Ái H chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước ngày 12/8/2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, quyển số 01/2014 của UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Không giải quyết được mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh xin ly hôn chị H.

- Con chung: Anh và chị H có 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/6/2014, đang sống chung với anh; Nguyễn Anh M, sinh ngày 13/02/2018, đang sống chung với chị H. Anh V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con

chung. Anh có khả năng nuôi cả hai người con bởi anh có tài sản riêng là bất động sản, hiện anh có việc làm ổn định với thu nhập đủ để nuôi con tốt hơn chị H. Anh đang sống cùng với cha và mẹ anh nên cha mẹ anh sẽ phụ anh chăm sóc, đưa rước các con anh đi học. Chị H đang sống cùng với cha mẹ chị H và nhiều người thân khác trong gia đình, chị H không có tài sản riêng, cũng không có công việc với thu nhập ổn định sẽ không thể tạo điều kiện cho con sống, học tập và phát triển tốt bằng sống với anh. Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Chị Trương Ái H trình bày xác định quan điểm như sau:

- Về hôn nhân: Điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn anh V trình bày là đúng. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh V.

- Con chung: Chị và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/6/2014, đang sống chung với anh V; Nguyễn Anh M, sinh ngày 13/02/2018, đang sống chung với chị. Do Nguyễn Anh Th đang sống chung với anh V và Th cũng có nguyện vọng sống chung với anh V nên chị đồng ý giao Nguyễn Anh Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Anh M. Chị nuôi được Nguyễn Anh M ăn học vì chị đang có công việc làm dù thu nhập thấp hơn anh V; nhà có cha mẹ chị phụ chị đưa rước Anh M đi học trong lúc chị đi làm. Chị H không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Anh V và chị Trương Ái H và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay anh V xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Chị H đang cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Nguyễn Anh V và chị Trương Ái H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh V và chị H được pháp luật công nhận. Anh V xác định anh xin ly hôn do hôn nhân của anh và chị H không còn hạnh phúc. Chị H cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh V về việc ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh V và chị H xác định anh, chị có 02 người con chung tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/6/2014, đang sống chung với anh V; Nguyễn Anh M, sinh ngày 13/02/2018, đang sống chung với chị H. Anh V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H chỉ đồng ý giao Nguyễn Anh Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Anh M, không đặt ra việc

cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu Nguyễn Anh Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh V đều có yêu cầu nuôi dưỡng Nguyễn Anh M. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi cháu Th, cháu M sống chung với anh V hay sống chung với chị H thì các cháu đều được ông, bà phụ giúp trong việc nuôi dưỡng, đưa đón đi học bởi anh V và chị H đều phải đi làm cả ngày để có thu nhập trang trải cuộc sống. Mặc dù anh V đang có công việc làm ổn định với thu nhập cao hơn thu nhập của chị H; anh V cũng có tài sản riêng là bất động sản, đủ điều kiện để lo cho con về vật chất hơn chị H. Tuy nhiên, nuôi con vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền của cha mẹ. Cháu Nguyễn Anh Th cũng còn trong độ tuổi mẫu giáo, đang sinh sống cùng với chị H từ bé đến nay và cháu đang được chị H chăm sóc tốt, đang được học tập như các bạn cùng tuổi. Dù điều kiện kinh tế của bản thân chị H không bằng anh V nhưng với tình thương của người mẹ dành cho con, cháu M vẫn đang được sống trong tình yêu thương và nuôi dạy của chị H. Anh V đã được chị H giao quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh Th, anh V cũng chưa có căn cứ xác định chị H không nuôi dạy cháu M tốt. Do đó cần giao Nguyễn Anh M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Như thế sẽ đảm bảo được quyền lợi của anh V và chị H trong việc nuôi dưỡng con chung. Trường hợp anh V lo lắng thu nhập của chị H không nhiều, sẽ không lo cho con tốt về vật chất như anh V mong muốn, anh V có thể cấp dưỡng để chị H nuôi con. Trường hợp sau này có căn cứ xác định chị H không chăm sóc Nguyễn Anh M được tốt, chị H không đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng, lo cho M học tập, anh V vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Anh V, chị H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh V và chị H xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh V và chị H xác định không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Anh V về việc xin ly hôn chị Trương Ái Huỳnh.

2 - Về con chung: Giao Nguyễn Anh M, sinh ngày 13/02/2018 cho chị Trương Ái H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh V và chị H về

việc giao Nguyễn Anh Th, sinh ngày 17/6/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V và chị H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh V, chị H không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự xác định không có.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Nguyễn Anh V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/10/2023, anh V đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 00008326) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường T, thành phố C, tỉnh Bình Phước.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân